

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2020

“V/v: *Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng Xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bảo.

2. Bà Lương Thị Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị B có mặt; Anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 08 tháng 01 năm 2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị Nguyễn Thị B và anh Hồ Văn T chung sống với nhau vào năm 2017, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 18 tháng 8 năm 2017. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau nên ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh Hồ Văn T: Anh T xác nhận lời trình bày của chị B về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh T và chị B theo chị B trình bày là đúng. Nay chị B xin ly hôn, anh T không đồng ý vì còn thương vợ.

Nếu Tòa án cho ly hôn;

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Hồ Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Hồ Văn T chung sống với nhau vào năm 2017, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 18 tháng 8 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị B và anh T chung sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị B tha thiết xin được ly hôn với anh T. Ngược lại, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được chị B chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa ngày hôm nay thì chị B khai đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay nhưng không có biện pháp nào hàn gắn và anh T không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện ý chí hàn gắn là không đến tham dự phiên tòa. Ngoài ra, chị B cho rằng anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị B yêu cầu được xin ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh T thống nhất khai, vợ chồng chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về tài sản chung: Chị B và anh T thống nhất khai, vợ chồng chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Chị B và anh T thống nhất khai, vợ chồng chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị B xin ly hôn với anh Hồ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Hồ Văn T.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Thi đã nộp theo biên lai số 4477 ngày 08 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã G
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mai Văn Hiệp